TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Trần Thị Kim Tân

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 679/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Kim N, sinh năm: 1990

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Lê Hoàng M, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà bà chị Trương Thị Kim N trình bày: Chị và anh Lê Hoàng M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của anh chị ban đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M thường xuyên ăn nhậu rồi về chửi bới, đánh đập chị. Chị đã chuyển về nhà mẹ ruột chị sống để tránh mâu thuẫn, xô xát. Trong thời gian không sống chung, anh chị không liên lạc, anh M thường xuyên thay đổi số điện thoại khiến chị không thể liên lạc được với anh M. Hiện nay cuộc sống chung của anh chị không thể tiếp tục, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu P, sinh ngày 02/6/2011 và cháu Lê Minh Đ, sinh ngày: 23/02/2016. Hiện nay các con chung đang do anh M trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn, chị yêu cầu được giao cả hai con chung cho anh M nuôi, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng/cháu, hai cháu là 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: chị trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Hoàng M đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 9; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, chị N được ly hôn với anh M. Về con chung: đề nghị giao 02 con chung là cháu Lê Thị Thu P, sinh ngày 02/6/2011; cháu Lê Minh Đ, sinh ngày: 23/02/2016 cho anh M nuôi dưỡng, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Kim N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lê Hoàng M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M là phù hợp.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh M, do đó xác định chị N là nguyên đơn, anh M là bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh M tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị N khai cuộc sống chung của anh chị ban đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M thường xuyên ăn nhậu rồi về chửi bới, đánh đập chị. Chị đã chuyển về nhà mẹ ruột chị sống để tránh mâu thuẫn, xô xát. Trong thời gian không sống chung, anh chị không liên lạc, anh M thường xuyên thay đổi số điện thoại khiến chị không thể liên lạc được với anh M. Hiện nay cuộc sống chung của anh chị không thể tiếp tục, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh M.

Tại Biên bản xác minh ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (bút lục số 20) thể hiện anh Lê Hoàng M hiện nay đang cư trú và sinh sống tại địa phương; về quan hệ hôn nhân hiện nay chị Trương Thị Kim N và anh Lê Hoàng M không còn chung sống với nhau khoảng năm 2019 đến nay. Quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Hoàng M đến tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M vắng mặt không có lý do cho thấy anh M có thái độ thờ ơ, không muốn hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị N và anh M có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu P, sinh ngày 02/6/2011 và cháu Lê Minh Đ, sinh ngày: 23/02/2016. Khi ly hôn, chị N yêu cầu giao hai con chung cho anh M nuôi dưỡng. Quá trình làm việc, Tòa án đã tới nhà anh M để làm việc với cháu P và cháu Đ nhưng không thu thập được lời khai của cháu P và cháu Đ nên không thực hiện được việc xem xét nguyện vọng của các cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, tại Biên bản xác minh ngày 05/01/2023 thể hiện cháu P và cháu Đ đang do anh M trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau vào năm 2019 đến nay nên tiếp tục giao cháu P và cháu Đ cho anh M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi

tháng là 1.500.000 đồng/cháu, hai cháu là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Lê Thị Thu P và cháu Lê Minh Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con của chị N là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N trình bày anh chị không có nợ chung. Anh M được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy, không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầy ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Kim N

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Kim N được ly hôn với anh Lê Hoàng M.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 172/2017 ngày 30/11/2017 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Thị Thu P, sinh ngày 02/6/2011 và cháu Lê Minh Đ, sinh ngày: 23/02/2016 cho anh Lê Hoàng M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Kim N có nghĩa vụ cấp dưỡng để anh Lê Hoàng M nuôi dưỡng cháu Lê Thị Thu P hàng tháng là 1.500.000 đồng

(*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Trương Thị Kim N có nghĩa vụ cấp dưỡng để anh Lê Hoàng M nuôi dưỡng cháu Lê Minh Đ hàng tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị Trương Thị Kim N được quyền thăm nom con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Lê Hoàng M. Khi cần thiết, chị Trương Thị Kim N và anh Lê Hoàng M được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trương Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trương Thị Kim N đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006924 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Chị Trương Thị Kim N còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Hương